VỊ THẾ CHIẾN LƯỢC VÀ GIAO LƯU KINH TẾ CỦA NINH BÌNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

NGUYỄN VĂN KIM*

Trong lịch sử và tâm thức dân tộc Việt Nam, các địa danh: Hoa Lư, Trường Yên, Tam Điệp, Thần Phù, đã sớm khắc ghi là những vùng *địa linh*, có vị trí *địa - chính trị*, *địa - kinh tế* quan trọng. Đất và người Ninh Bình luôn gắn bó với quá trình phát triển lịch sử, văn hóa; sự nghiệp dựng xây và bảo vệ Tổ quốc.

Với cái nhìn đối sánh giữa các vùng miền, Ninh Bình nổi lên là một vùng đất có nhiều giá trị đặc hữu. *Đó là vùng chuyển giao giữa các không gian lãnh thổ,* là minh chứng sinh động cho sự vận động của thế giới tự nhiên; của địa chất, địa mạo và cũng là không gian kết nối giữa vùng núi cao với biển cả. Không gian tự nhiên của Ninh Bình có đủ đầy cả ba hệ sinh thái: châu thổ, núi rừng và sông biển. Nhờ có hệ sinh thái đa dạng đó mà Ninh Bình sớm là điểm đến, địa bàn sinh tụ của nhiều tộc người (1).

Ninh Bình là vùng đất cổ (2), và cũng là đất phát tích của ba vương triều đầu tiên trong kỷ nguyên độc lập: Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009) và Tiền Lý. Hoa Lư - Trường Yên không chỉ là nơi có nhiều di sản thiên nhiên, văn hóa nổi tiếng mà còn là "chứng nhân" lịch sử, ghi dấu những chiến công, biến chuyển quan trọng của đất nước (3). Dựa trên một số nguồn tư liệu, đặt không gian lịch sử chính trị - kinh tế Ninh Bình trong mối liên hệ so sánh, đặc biệt là xem xét vị trí của Ninh Bình trong thế chuyển giao vùng và liên vùng, bài viết muốn góp phần làm rõ vị trí chiến lược, tiềm năng và các mối quan hệ kinh tế của Hoa Lư - Trường Yên - Thiên Quan - Thanh Bình - Ninh Bình trong tiến trình lịch sử dân tộc.

1. Vị trí chiến lược của một vùng đất

Vào đầu thế kỷ XV, sau những trải nghiệm, thách thức khắc nghiệt của lịch sử, trong tác phẩm *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi (1380-1442) từng cho rằng: "Thanh Hoa là bộ Cửu Chân ngày xưa; thời Đường là Ái Châu, triều Lý lấy làm phủ Thanh Hoa; Đông và Bắc giáp Sơn Nam và biển, Tây và Nam giáp Sơn Tây và Hoan Lộ; có 6 lộ phủ, 22 thuộc huyện, 4 châu, 975 làng xã. Đấy là phên dậu thứ hai ở về phương Nam" (4). Từ Kinh đô Thăng Long, Ức Trai đánh giá: Sơn Nam là phên dậu thứ nhất, Thanh Hóa là phên dậu thứ hai, Nghệ An là phên dậu thứ ba, Thuận Hóa là phên dậu thứ tư, Nam Giới (Quảng Nam) là phên dậu thứ năm ở phương Nam. Thực tế lịch sử nhiều thế kỷ sau cho thấy tầm nhìn sâu, rộng của nhà chiến lược quân sự - ngoại giao Nguyễn Trãi về các vùng quan yếu của đất nước.

*GS.TS. Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, quốc gia Đại Cồ Việt - Đại Việt bước vào kỷ nguyên tự chủ. Từ năm 968 đến 1010, Kinh đô Hoa Lư là trung tâm chính trị của đất nước. Tuy nằm lọt trong một thung lũng núi đá vôi nhưng Hoa Lư không phải là một đô thị "biệt lập", "hẻo lánh" (5). Từ đây, những quyết định lớn nhằm chấm dứt tình trạng phân chia cát cứ 12 sứ quân, thống nhất đất nước; thiết lập các đơn vị hành chính (6); kháng Tống, bình Chiêm,... đã được đề ra. Các sử gia triều Lê từng dành nhiều lời ca ngợi công tích của vua Đinh, vua Lê. Với Đinh Tiên Hoàng (924-979), *Toàn thư* đánh giá: "Vua tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quyét sạch các hùng trưởng,... song không biết dự phòng, không giữ được trọn đời, tiếc thay!" (7). Với trí tuệ và uy dũng, ông từng được bề tôi dâng tôn hiệu là "Đại thắng Minh vương Hoàng đế".

Trong nhiều thế kỷ, Hoa Lư - Trường Yên là vùng quan ải, phên dậu bảo vệ cho Kinh đô Thăng Long và đất nước. Đây còn là hậu cứ trọng yếu, địa bàn tấn công chiến lược của nhiều triều đại, phong trào yêu nước. Vào thế kỷ XIII, đất Trường Yên đã được nhà Trần lựa chọn để đặt bộ chỉ huy quân sự chiến lược, góp phần quan trọng vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống đế chế Mông - Nguyên. Khu căn cứ Tràng An và hành cung Vũ Lâm không chỉ là nơi các vua Trần ra quyết định mà còn là trung tâm Phật giáo sớm (8), từng là nơi tu tập của nhiều vị Thiền sư (9) và cả các đấng quân vương như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông (10). Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285), ngày 3 tháng 5 năm Ất Dậu, hai vua Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông đã cùng với Trần Hưng Đạo đánh tan một đạo quân chủ lực của giặc Thát ở đây. *Toàn thư* viết: "tháng 5 ngày mùng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên, chém đầu, cắt tai giặc nhiều không kể xiết" (11). Hoa Lư - Trường Yên cũng là đất dựng nghiệp nhà hậu Trần (1407-1414). Thành lũy nhà Hồ, nhà Mạc, dấu tích của nghĩa quân Lam Sơn, của phong trào "áo vải, cờ đào" Tây Sơn,... vẫn còn lưu giữ ở Tam Điệp, Yên Mô, Gia Viễn, Nho Quan và nhiều địa phương khác (12).

Một số nguồn sử liệu, ví dụ như *Tống thư*, thường "phàn nàn" về việc các vua Đinh, vua Lê "cậy thế hiểm", "không giữ yên phận làm tôi" mà luôn chống lại phương Bắc, kiên quyết bảo vệ nền độc lập. Về vị thế của Hoa Lư, nhà địa lý học lịch sử Đặng Xuân Bảng đã rất có lý khi cho rằng: "Vua Đinh, vua Lê nổi dậy ở Trường An (nay là huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình - TG) đều là người vùng hạ du. Từ đó hạ du dần dần mở mang" (13). Dựa chắc vào vùng đất "lập cước" Hoa Lư - Trường Yên (mà thế kỷ X chắc chắn còn rất gần biển), các triều đại Đinh, Tiền Lê và nhiều triều đại sau đó, đã thành công trong việc mở mang, khai thác châu thổ, hướng mạnh tầm nhìn dân tộc ra phía biển, đồng thời đưa vị thế đất nước lên ngang tầm với nhiều quốc gia khu vực.

Trong lịch sử, Ninh Bình không chỉ là phên dậu trọng yếu ở phương Nam, mà còn là hậu cứ vững chắc, đặc biệt tin cậy của nhiều triều đại. Đất và người Hoa Lư - Trường Yên từng đóng vai trò trọng yếu chặn đứng cuộc tấn công của quân Tống năm 981. Vừa thoát khỏi đêm trường Bắc thuộc, họa xâm lược của nhà Tống lại đặt quốc gia Đại Cồ Việt trước nguy cơ của sự tồn vong. Các cuộc xâm lược của đế chế Mông - Nguyên thế kỷ XIII; cuộc xâm lược, thôn tính của nhà Minh kéo dài 21 năm ở thế kỷ XV, của nhà Thanh thế kỷ XVIII và cả sự xâm lấn của Chiêm Thành cùng một số thế lực khu vực,... đã tôi rèn ý chí, bản

lĩnh của cư dân một vùng đất. Thời cận hiện đại, Ninh Bình vẫn là địa phương chịu nhiều thách thức chính trị bởi sự xâm lược của thực dân Pháp và các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,... Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Ninh Bình luôn là địa phương kiên dũng, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Nhìn lại địa thế của Ninh Bình - Thanh Hóa trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, học giả Phan Huy Chú nhận xét: "Phủ Trường Yên ở phía Bắc trấn Thanh Hoa, tiếp giáp trấn Sơn Nam. Huyện Gia Viễn địa giới liền bến đò sông Thanh Quyết, huyện Thanh Liêm, là chỗ chia cương giới cho hai trấn. Từ đấy đi đến sông Gián Khẩu, núi sông thoáng rộng, theo đường núi đi ngược lên về phía Tây, thì vào huyện Thiệu Thiên; theo đường sông đi thẳng xuống phía Đông, thì vào huyện Yên Khang" (14). Trải qua các triều đại, chính quyền Hoa Lư rồi Thăng Long đều coi vùng Tam Điệp, cửa biển Thần Phù là yết hầu của đất nước. Từ Thăng Long, đi theo đường sông Hồng thì đến cửa Liêu. Trong vòng 4 ngày, nếu gió thuận thì thuyền có thể đến Quảng Nam, 5 ngày thì đến Quảng Ngãi,... Trong hành trình ấy, cửa biển Thần Phù (Thần Đầu) luôn được coi là cửa biển hiểm yếu, trọng điểm giao thương vùng duyên hải của quốc gia Đại Việt.

Về vị thế *địa - chính trị*, *địa - quân sự* của Ninh Bình - Thanh Hóa, trong tác phẩm *Đại Nam nhất thống chí*, các sử gia triều Nguyễn cho rằng: "Mặt đông trông ra biển lớn, mặt tây khống chế rừng dài. Bảo Sơn Châu chặn hiểm ở phía Nam (tục gọi là Eo Ống), giáp huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, núi Tam Điệp giăng ngang ở phía Bắc. Ở trong thì sông Mã, sông Lương và sông Ngọc giáp hợp nhau; ở ngoài thì núi Chiếc Đũa, núi Biện Sơn che chở. Thực là một trọng trấn" (15). Về núi Tam Điệp - Thiết Giáp, *Đại Nam nhất thống chí* từng có những khảo tả chi tiết: "Mạch núi từ các núi huyện Tống Sơn chỗ lên chỗ xuống kéo đến, thành một dãy liên tiếp, vách đá dốc đứng, chân núi về phía bắc giáp bến Chính Đại, về phía nam có đền Liễu Hạnh Tiên Chúa, ở giữa có một con đường phẳng rộng, là đường mà các huyện hạ du hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình phải qua. Từ đời Lê về trước, hành quân phần nhiều đi đường này, chính là chỗ xung yếu lớn ở chỗ đường núi, đường biển tiếp nhau" (16).

Về hình thế của Ninh Bình, các sử gia triều Nguyễn cho rằng: "Phía Đông Nam đến biển, phía Tây Bắc dựa núi, địa hình một nửa hiểm trở một nửa bằng phẳng; danh sơn có núi Hộ Thành, núi Địch Lộng, đại giang có sông Thanh Quyết, sông Thần Phù. Phủ Yên Khánh tiếp giáp Hà Nội và Nam Định, đường thủy và đường bộ sát liền nhau. Cầu chợ Vân Sàng, thuyền xe tụ tập, có tiếng là phồn thịnh. Phía Nam đi vào Thanh Hóa thì có núi Tam Điệp, con đường đi lại phải qua, thật là cổ họng giữa Nam và Bắc. Phủ Nho Quan ở về thượng du, giáp với 4 tỉnh Thanh Hóa, Hà Nội, Sơn Tây và Hưng Hóa, rừng núi um tùm, đường sá hiểm trở, chiếm một vị trí rất xung yếu" (17). Viết về đồn Lãng Phong (xã Lãng Phong, huyện Phụng Hóa), Thượng thư Bộ binh triều Nguyễn là Lê Quang Định cho rằng: "Đây là vùng địa thế rất xung yếu nên từ thời tiền triều đã cho đặt đồn đạo Trường Chi, Trường An ở đây. Ngày nay thì lập đồn phủ Thiên Quan để canh phòng cho địa giới cả ba huyện Phụng Hóa, An Hóa và Lạc Thổ" (18).

Thấu hiểu vị thế hiểm yếu của Ninh Bình cả trên đất liền và trên biển, nhiều triều đại quân chủ đã cho xây thành, đắp lũy, đóng trọng binh để ngăn chặn các cuộc tấn công từ phương Bắc, bảo đảm an toàn cho vùng căn cứ chiến lược Thanh - Nghệ,

đồng thời để chặn đứng nhiều cuộc hành binh, xâm lấn từ phía Đông Nam và Tây Nam. Trải qua các thời kỳ lịch sử, lúc yên cũng như lúc nguy, đất và người Ninh Bình luôn giữ lòng trung nghĩa, thể hiện khí chất hào hùng của một vùng địa linh - nhân kiệt. Vị thế quan yếu, nguồn tài nguyên tự nhiên, nhân văn là cơ sở thiết yếu để Ninh Bình có nhiều đóng góp quan trọng cho các kế hoạch dựng xây, phát triển đất nước.

2. Tiềm năng và các nguồn tài nguyên

Về vị trí, địa giới hành chính của Ninh Bình, theo *Đại Nam nhất thống chí*: "Đông Tây cách nhau 68 dặm, Nam Bắc cách nhau 57 dặm; phía Đông đến địa giới huyện Đại An, tỉnh Nam Định 26 dặm, phía Tây đến địa giới huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa 42 dặm, phía Nam đến địa giới hai huyện Tống Sơn và Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa 35 dặm, phía Bắc đến địa giới hai huyện Thanh Liêm và Chương Đức, tỉnh Hà Nội 22 dặm, phía Đông Nam đến cửa biển Chính Đại, huyện Tống Sơn 38 dặm, phía Tây Bắc đến địa giới huyện Mỹ Lương tỉnh Sơn Tây và địa giới châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hóa 174 dặm; từ lỵ sở tỉnh đi về phía Nam đến Kinh thành 944 dặm" (19).

Trên một không gian rộng dài 1.387km^2, có sông Đáy, sông Bôi, sông Hoàng, sông Chanh,... giữ vai trò như những huyết mạch giao thương chủ đạo, đồng thời làm chủ một không gian biển giàu tài nguyên, Ninh Bình là sự hợp tụ của cả 3 không gian: Không gian kinh tế văn hoá biển, Không gian kinh tế văn hóa châu thổ và Không gian kinh tế văn hóa núi cao. Đó là sự mật tập của một phức thể các hệ sinh thái, tạo nên tiềm năng đa dạng, phong phú của một tỉnh có nhiều thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên vị thế. Theo cách tiếp cận không gian và trong tầm nhìn đối sánh giữa các không gian, Ninh Bình vừa là vùng địa đầu phía Nam của Bắc Bộ vừa là vùng đất gắn với miền Thanh - Nghệ, đồng thời có những đặc tính tự nhiên, nhân văn gần với vùng Tây Bắc. Ninh Bình vừa có lợi thế về liên kết vùng theo trục Bắc - Nam vừa có thế mạnh của liên kết Đông - Tây. Trên nhiều phương diện, vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế đặc thù đó tạo cho Ninh Bình những không gian mở. Tự nguồn cội, không gian phát triển của Ninh Bình từng đồng thời mở ra nhiều hướng.

Do có vị trí đặc biệt quan trọng về chiến lược, Ninh Bình là nơi tập trung của nhiều tuyến giao lưu kinh tế, văn hóa (20). Theo Đặng Xuân Bảng: "Đời Đinh, đời Lê đóng kinh đô ở Trường An, vào Thanh Hóa tất đi qua huyện Phụng Hóa (nay thuộc Ninh Bình - TG) rồi vào Cát Lũy. Cho nên Lê Đại Hành đi đánh Chiêm Thành phải đi qua núi Đồng Cổ (ở huyện An Định, tỉnh Thanh Hóa) đến trại Bà Hòa (ở huyện Ngọc Sơn). Từ thời Lý về sau đóng đô ở Thăng Long, vào Thanh Hóa có hai đường: một đường từ các huyện Thượng Phúc, Thanh Liêm, Bình Lục (Hà Nội) vào các huyện Gia Viễn, Phụng Hoá; một đường từ các huyện Hoài An, Sơn Minh (Hà Nội) vào huyện An Hóa (Ninh Bình) huyện Thạch Thành (Thanh Hóa) xuống Cát Dịch" (21). Tác giả cũng cho rằng: Theo phép dụng binh, xét kỹ đường đi như thế là: "xét kỹ từng mũi tên". Đến thế kỷ XVI, mạch giao thông chính Bắc - Nam vẫn là tuyến Thượng đạo. Nhiều triều đại coi đó là tuyến giao thông huyết mạch. Đến thời Nam - Bắc triều, để công phá thế lực của Nguyễn Kim - Trịnh Kiểm, nhà Mạc đã cho tập trung quân ở vùng Tam Điệp. Những người đứng đầu triều Mạc cho mở rộng đường qua vùng Tam Điệp, Thiết Giáp để chuẩn bị cho các

cuộc hành binh lớn vào Thanh Hóa, tấn công "Kinh đô kháng chiến" của triều Lê ở Vạn Lại, Yên Trường (22),... Con đường bộ dọc theo miền duyên hải dần trở thành tuyến giao thông chính. Khi đường Thiên lý qua Tam Điệp mở ra, con đường Thượng đạo ở phía Tây dần trở nên thưa vắng.

Đến thế kỷ XIX, dọc theo tuyến đường bộ Bắc - Nam, triều Nguyễn cho đặt ở Thanh Hóa 5 trạm giao thông, Nam Định đặt 2 trạm, Bắc Thành có 7 trạm. Ninh Bình có 2 trạm là Ninh Du, Ninh Đa cộng 71 dặm. Từ Ninh Bình: "Đi về đông đến biển 28 dặm, về tây đến châu Đà Bắc, tỉnh Hưng Hóa 174 dặm. Thời Vĩnh Lạc, nhà Minh đặt trạm ngựa ở xã Sinh Dược, huyện Lê Bình. Lê Bình nay thuộc huyện Gia Viễn. Một đường từ xã Lãng Phong, huyện An Hóa, đi về phía Tây bốn ngày đến Phù Liễn, lại hai ngày đến Châu Mai, cộng 6 ngày. Một đường từ xã Bình Lương, huyện An Hóa, vào huyện Thạch Thành đến huyện Quảng Địa, thông vào Thanh Hóa. Một đường từ xã Bình Lương, ra các huyện Hoài An, Sơn Minh thì đến Hà Nội, Sơn Tây" (23). Cũng theo tác giả, thời thuộc Đường, từ Thăng Long vào xứ Thanh mất 10 ngày. Đến thời Nguyễn (1802-1945), đi theo đường Thiên lý chỉ còn 5 ngày.

Cùng với các tuyến giao thông bộ, Ninh Bình cũng có nhiều tuyến giao thông sông, biển nối kết giữa các vùng miền. Vùng ngã ba sông Bôi - sông Hoàng Long thuộc các huyện Nho Quan - Gia Viễn và Hoa Lư trở thành đầu mối giao thương của "trũng Nho Quan", ở phía Nam châu thổ sông Hồng (24). Theo đó, từ Thăng Long xuôi theo sông Hồng tàu thuyền có thể đến Cửa Liêu (Nam Định) rồi đến cửa biển Thần Phù. Từ sông Đáy, thuyền bè qua ngã ba Non Nước, theo sông Vân Sàng là đến vùng cửa biển nổi tiếng bởi vụng nước xoáy và là nơi diễn ra nhiều tai biến thiên nhiên. Dãy Tam Điệp cũng sát liền ở đấy. Các sử gia triều Nguyễn viết: "Núi Tam Điệp ở cách huyện Tống Sơn 21 dặm về phía Bắc, mạch núi từ huyện Thạch Thành kéo đến, liên tiếp chạy ngang, suốt cả bãi biển, giữa có đường quan thông qua, là cổ họng giữa Bắc Nam. Núi có ba ngọn nên gọi là Tam Điệp, ngọn giữa rất cao, tức là chỗ chia địa giới giữa Thanh Hóa và Ninh Bình, đứng ở đỉnh núi trông ra ngoài biển, buồm thuyền như lá tre,... Năm Thiệu Trị thứ 3, xa giá tuần du phương Bắc, có làm thơ khắc vào đá, dựng nhà bia ở ngọn giữa" (25).

Tổng diện tích Ninh Bình không lớn (1.387km^2), nhưng là tỉnh có nhiều nguồn tài nguyên tự nhiên đặc sắc. Nhiều quân vương, danh nhân, sử gia,... đã có những khảo tả, cảm thức về cảnh quan cùng các di tích, danh thắng của Hoa Lư - Trường Yên. Thời Trần, danh thần Trương Hán Siêu (là môn khách của Trần Quốc Tuấn) đã đặt tên mới cho Non Nước là núi Dục Thúy và sau đó đã theo Trần Nhân Tông về lập am tu tập ở đây (26). Núi Dục Thúy không chỉ là thắng cảnh nổi tiếng mà còn là đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng. Đó là nơi mà đường Thiên lý từ Gián Khẩu đi vào, đường bộ từ Sơn Nam sang và đường thủy từ sông Đáy qua. Ngã ba Non Nước thông với ngã ba sông Vân Sàng để từ đó ra cửa Thần Phù. Thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh từng cho dựng hành cung ở núi Non Nước. Năm 1775, Nguyễn Lệ làm đồn điền sứ ở Trường Yên, đã cho đặt kho thóc ở đây gọi là "Kho Dục Thúy" (27). Vua Minh Mệnh năm thứ hai, nhà vua đi Bắc tuần đã cho dựng lầu trên núi. Núi Non Nước cũng còn có tên là Hộ Thành do vua Thiệu Trị đặt khi tuần du phía Bắc. Trên núi có đền thờ thần Sơn Tinh - Thủy Tinh, và ngôi chùa cổ. Hoàng đế Lê Thánh Tông cùng nhiều danh nhân từng hành binh, tuần du qua đây và có văn, thơ đề vịnh. Ninh Bình còn có Động

Sơn (Hồi Hạc), động Thiên Quang, có Giếng Trời, chùa Tiên, chùa Linh Quang có các phiến đá tạo nên thanh âm huyền diệu.

Trong cảm nhận của vua Minh Mạng, Động Sơn đẹp hơn núi Dục Thúy. Cùng với đó, trên núi Địch Lộng có động Nham Sơn, mở ra ba cửa. Trong động, sắc đá lóng lánh như hình pha lê, có 4 cái giếng không bao giờ cạn nước, ở giữa có phiến đá nổi từng lớp vảy như hình cá chép, hai bên đá bày như bức màn, gõ vào như tiếng trống, tiếng chuông, tiếng khánh. Năm Minh Mệnh thứ 2, nhà vua từng qua đây ngắm hình sông, thế núi. Năm Minh Mệnh thứ 3, nhà vua từng ban cho chùa Cổ Am 4 pho tượng Phật bằng đồng thếp vàng và 50 lạng bạc. Năm Thiệu Trị thứ 2, trong chuyến hành hương, nhà vua từng lệnh cho viên giám thành vẽ bản đồ dâng tiến và ban cho 100 quan tiền (28). Cùng với các hang động nêu trên, Ninh Bình còn có các núi: Bái Lĩnh, Đông Khê, Long Triều, Đại Hữu, Bích Động, Thiện Dưỡng, Hải Nham, Đàm Khánh, Ngọc Thỏ, núi Bảng, Xa Triệt, Phượng Sơn, Mã Yên, Đái Sơn, Cối Sơn, Trúc Sơn, Mã Thiên, Tam Động... Nhiều ngọn núi trong số đó hợp thành Quần thể danh thắng - di tích Tràng An, được UNESCO ghi danh: Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới năm 2014 (29).

Về tài nguyên thiên nhiên của vùng "Thanh Hoa ngoại trấn", danh nhân Nguyễn Trãi cho rằng: "ở vùng ấy đất thì đen, mầu mỡ, ruộng thì vào hạng thượng trung. Cau tươi tốt. Thần Đầu có cá hình người. Na Quan, Thọ Xuân có da hổ báo, tê, voi. Tàm, Sầm có người Mán Lão. Đồ cống có ngà voi, sừng tê" (30). Đến thế kỷ XIX, về tài nguyên của trấn Thanh Hoa (trong đó có đạo Thanh Bình; phủ Trường An: Yên Khánh, Yên Mô, Gia Viễn; phủ Thiên Quan: Phụng Hóa, Yên Hóa, Lạc Thổ), học giả Lê Quang Định cho biết: "Thổ sản: Trân châu, ngọc quế, ngà voi, sừng tê, lộc nhung, yến sào, bạc, sắt sống, vải trắng, sáp ong, chạm khắc đá, chim trĩ, diêm tiêu, dầu trẩu, long cốt, cau tươi, chiếu cói Đông Lý, chiếu trắng lụa màu, dầu nước, vải mịn, muối hoa, than đá, chim công, mây, chỉ vỏ gai, tử ngạnh, đá nam châm, con rươi, đủi" (31).

Do có cảnh quan và đặc tính của Hệ sinh thái phổ tạp (*General ecosystem*) nhiệt đới, huyện Phụng Hóa từng có nhiều nguồn lâm, thổ sản quý: "Gỗ hoàng nhung, gỗ xuyên ty, gỗ đạo na, gỗ hoàng thị, gỗ chiêm tự, gỗ tích lác, gỗ trám, gỗ tang thái" (32). Kết quả giám định 5 mẫu cọc gỗ ở cánh đồng phía Nam Đền Lê theo tiêu chuẩn TCCS 03: 2021 (phát hiện được trong lớp nền của cố đô Hoa Lư) cho thấy: có ít nhất 4 loại gỗ được sử dụng: Chặc khế (*Dysoxylum* sp.), hay còn gọi là Huỳnh đường; Cồng (*Calophylum* sp.); Trường (*Pometia* sp.); Táu (*Vatica tonkinensis*). Đó đều là những loại gỗ tốt, có thân cao lớn (20 đến 40m), ít mối mọt, đã được sử dụng để xây dựng kinh đô (33).

Từ truyền thống phát hiện, khai thác, phát huy các nguồn tài nguyên tự nhiên, người Ninh Bình đã lập nên và nổi tiếng với các làng nghề. Tiêu biểu là: Nghề thêu ren Văn Lâm, nghề mỹ nghệ cói Kim Sơn, nghề chạm khắc đá Ninh Vân, nghề làm gốm Bồ Bát,... Các nghệ nhân làng chạm khắc đá Ninh Vân tài hoa với kỹ năng chọn, bóc tách đá để tạo tác nên nhiều tác phẩm tinh xảo. Những tri thức, kỹ năng ấy trên thực tế đã tạo nên một truyền thống "Văn hóa đá" nổi danh ở xứ Thanh - Ninh Bình. Cùng với đá, Ninh Bình cũng có nhiều mỏ đất sét chất lượng cao có thể sử dụng làm vật liệu kiến trúc và các vật dụng gốm, sành. Ở Ninh Bình, đất sét tập trung ở vùng đồi núi thấp thuộc các xã Yên Sơn, Yên Bình (Tam Điệp), và một số xã thuộc huyện Gia Viễn, Yên Mô. Nình Bình có làng nghề truyền thống Bồ Bát (xã Yên

Thành, huyện Yên Mô). Bồ Bát - Bồ Xuyên thuộc Thanh Hóa (Ái châu) xưa từng nổi tiếng về sản phẩm gốm. Tương truyền, khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, đã đem theo nhiều thợ lành nghề ra Kinh đô và chính họ đã gây dựng nên trung tâm gốm Kim Lan - Bát Tràng ven Kinh đô Thăng Long - sông Hồng. Sản phẩm gốm Bát Tràng từng được lựa chọn để đưa sang phương Bắc (34).

Cũng cần phải nói thêm là, kết quả nghiên cứu ở Tràng An thời gian qua cho thấy, nhờ biết khai thác các chất liệu quý từ địa phương mà chủ nhân văn hóa Tràng An đã sáng tạo nên loại đồ gốm sớm nhất ở Đông Nam Á. "Đó là loại gốm kiểu Đa Bút với chất liệu thô, thành dày, văn thừng đập không se. Gốm Mái đá Vàng niên đại 8.720 235 năm BP, ở Mái đá ốc niên đại khoảng 8.700 năm BP. So với gốm ở chính địa điểm Đa Bút thì gốm ở đây có niên đại sớm hơn rất nhiều và là cổ nhất hiện biết ở Việt Nam và Đông Nam Á. Điều đáng nói là, đồ gốm xuất hiện sớm ở Tràng An không gắn liền với việc định cư làm nông nghiệp mà gắn với việc khai thác và chế biến thức ăn từ đồ biển" (35). Một tư duy mới về sự xuất hiện, chức năng của gốm đã được mở ra từ những phát hiện đặc biệt quan trọng ở Tràng An.

Trong khi tiến hành nghiên cứu ở thung Nội Lấm, thuộc hành cung Vũ Lâm (khu di tích Tràng An) cùng với các vết tích kiến trúc, các nhà nghiên cứu đã đặc biệt chú ý đến khu vực chứa đất sét được coi là nguyên liệu làm gốm. Cùng với 940 mảnh di vật các loại phát hiện được trong hố khai quật, còn tìm được 5.525 mảnh vỡ gốm, sành và vật liệu kiến trúc trên mặt đất. Nhiều khả năng, nơi đây từng là địa điểm sản xuất gốm, trong đó có gốm men và sành thời Trần (36). Như vậy, tiếp tục truyền thống gốm từ thời Tiền Hoa Lư, trong suốt hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc, đến thời Đinh - Tiền Lê và sau đó, vào thời kỳ Lý, Trần,... Ninh Bình vẫn là một trung tâm sản xuất gốm. Nghiên cứu những hiện vật thời kỳ Tiền Thăng Long ở Khu di tích Hoàng thành Thăng Long cho thấy, có một số lượng khá lớn các loại hình hiện vật gốm thời Đinh và Tiền Lê. Các hiện vật đó: "phong phú về kiểu loại, đa dạng về loại hình, đồng nhất về chất liệu, hoa văn trang trí đơn giản nhưng khá sắc nét" (37). Kết quả nghiên cứu ở Đền Lê (hố H1) và Đền Đinh (hố H2) năm 2021 và cả thời gian trước đó, là cơ sở để các nhà nghiên cứu đi đến nhận thức: "Những di tích, di vật có trang trí ở thời Đinh - Tiền Lê đã định hình một phong cách nghệ thuật mới - Nghệ thuật Hoa Lư trong dòng chảy văn minh Đại Việt, thoát khỏi khuôn mẫu của nghệ thuật Bắc thuộc và là nền tảng cho nghệ thuật Lý - Trần phát triển rực rỡ ở các giai đoạn sau" (38).

Ninh Bình là tỉnh có tài nguyên đa dạng. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, vào thế kỷ XIX ở các huyện Yên Khánh và Kim Sơn có chiếu trơn, nhưng chiếu làng Thiện Trạo là tốt hơn cả. Có lệ đánh thuế. Ở núi Bạch Bát huyện Yên Môn có cỏ thi; phủ Nho Quan có dây mây (mây nước, mây vân, mây núi); huyện Yên Hóa có tre hoa; huyện Lạc Yên có bông, vải, mật mía, chè, sa nhân; vùng ven biển có nhiều vùng sản xuất mắm rươi, song mắm rươi làng Yên Vệ là ngon nhất, có lệ thượng tiến (39). Trong *Vân Đài loại ngữ*, học giả Lê Quý Đôn cho rằng: "ở Trường Yên, thổ ngơi có nhiều gừng và khoai, sông và ao thì nhiều cá và ếch, những người nghèo nhờ đó mà khỏi đói rét" (40). Trong lịch sử, vì những mục tiêu khác nhau, con người đã sớm khai thác các nguồn lực tự nhiên để sinh tồn và phát triển kinh tế, văn hóa. Quan hệ giữa các địa phương, cộng đồng người có một động

lực nguồn cội là tạo lập nên thế cân bằng giữa các vùng tài nguyên, hệ sinh thái.

Trong các tài nguyên biển của Ninh Bình, nhà bác học Lê Quý Đôn và các chế phẩm từ loại động vật này. Theo đó, rươi gọi là thổ hà (tôm đất): "Nó sinh ở trong ruộng gần biển, cảm khí đất mà sinh ra. Khi nào có rươi tất mưa, kỳ hạn không sai. Hằng năm, cứ tháng 9 đôi mươi, tháng 10 mồng 5 thì rươi ra nhiều, theo nước thủy triều lênh đênh trên mặt nước. Nhân dân địa phương làm sẵn đó, dặm, đem ra mà xúc, không biết bao nhiêu mà kể. Ngày 30 tháng 5, ngày 20 tháng 8 cũng có rươi, nhưng chỉ dài độ mấy tấc, không đến một thước, để mấy ngày không ươn. Ăn rươi, đem đun nước, làm lông qua, rồi nấu canh với măng tre. Khi có nhiều thì đem muối, làm mắm, đều ngon cả. Ở các vùng Phụng Hóa, Gia Viễn, Yên Mô, An Khang (thuộc Thanh Hóa), các huyện Vũ Tiên, Chân Định, Nam Chân, Giao Thủy, Thanh Quan, Thụy Anh, Đông Quan (thuộc trấn Sơn Nam) đều thường năm, đem rươi cống" (41). Cũng theo tác giả, ở vùng duyên hải miền Nam Trung Quốc, vào thời Thanh chính quyền đánh thuế *hòa trùng*, thu được đến mấy nghìn lạng vàng.

Nghĩ suy về vị thế *địa - chiến lược* và nguồn tài vật của Thanh Hóa - Ninh Bình, đặt trong mối liên hệ và tương quan với các vùng miền đất nước, nhà bác học Phan Huy Chú nhận xét: "Núi sông rất đẹp, là một chỗ đất có cảnh đẹp ở nơi xung yếu. Các triều trước vẫn coi là một trấn rất quan trọng. Đến Lê lại là nơi căn bản. Vẻ non sông tốt tươi nên sinh ra nhiều bậc vương tướng, khi tinh hoa tụ họp lại, nảy ra nhiều văn Nho. Đến những sản vật quý, cũng khác mọi nơi. Bởi vì đất thiêng thì người giỏi nên sinh ra những bậc phi thường, vượng khí chung đúc nên xứng đáng đứng đầu cả nước" (42).

Về phong tục, phẩm cách, tài nguyên nhân văn của người Ninh Bình, các sử gia triều Nguyễn cho rằng: "Trường Yên là kinh đô đầu tiên của nước ta trong thời kiến quốc. Phúc Thành (Trường Thăng Phủ, tức Trường Hán Siêu - TG) như núi cao, sao sáng của Nho lưu; sĩ phu thì chuộng khí tiết, nhân dân chăm làm và tằn tiện" (43). Theo các sử gia triều Nguyễn, thời nào Ninh Bình cũng có những danh nhân: Đời Đinh có: Đinh Công Trứ, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ, Trịnh Tú. Đời Lý có Thiền sư Nguyễn Minh Không (44). Đời Trần có: Trương Hán Siêu. Đời Lê có: Trịnh Lỗi, Nguyễn Thể, Phạm Quỳnh, Tạ Nghi, Bùi Thời Trung, Bùi Khắc Kiệm, Tạ Niên, Vũ Cự, Phạm Xuân, Hoàng Trọng Cung, Phạm Đạo. Đời Nguyễn có: Quách Công Chuyên, Vũ Duy Thanh (45)... Cần phải bổ sung vào danh sách ấy nhiều danh nhân nữa của Ninh Bình như: Thái hậu Dương Vân Nga, Ninh Tốn, Vũ Pham Khải, Phạm Thận Duật và các Anh hùng, liệt sĩ, những người có công với nước.

3. Các mối bang giao, quan hệ kinh tế vùng, liên vùng

Thế kỷ X đến với lịch sử Việt Nam và khu vực với rất nhiều biến động. Trên bình diện khu vực, đó là thế kỷ sụp đổ của nhà Đường (638-907) và cũng là thế kỷ vươn lên, trỗi dậy mạnh mẽ của nhiều quốc gia Đông Á như Triều Tiên, Nhật Bản, Đại Cồ Việt, Srivijaya, Angkor... Quốc gia Đại Cồ Việt - Đại Việt đã trỗi dậy, tự khẳng định vị thế của chính mình và hòa nhịp chung với dòng chảy lịch sử, kinh tế khu vực.

Về quy mô của quốc đô thời tự chủ, *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đều có những ghi chép cụ thể (46). Nhưng, những ghi chép của các sử gia triều Nguyễn là chi tiết, cụ thể hơn cả. *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê ở xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ,

về phía Tây Bắc huyện Gia Viễn, có nội thành và ngoại thành, có cửa xây bằng đá, lại có các địa danh: cầu Đông, cầu Dền, cầu Muống, Tràng Tiền, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ... nền cũ vẫn còn đó. Khi Lý Thái Tổ dời đô đến Thăng Long đều dùng theo các dấu hiệu ấy. *Xét*, sử chép: "Đinh Tiên Hoàng năm thứ nhất (968) dựng cung điện ở đô thành mới: Lê Đại Hành năm Thiên Phúc thứ 5 (984) dựng điện Bách Tuế Thiên Bảo ở núi Đại Vân, cột điện đều trang sức bằng vàng, bạc. Điện này dùng làm nơi thị triều, phía đông gọi là điện Phong Lưu, phía Tây gọi là điện Tử Hoa, phía tả gọi là điện Bồng Lai, phía hữu gọi là điện Cực Lạc; lại dựng lầu Đại Vân, liền với điện Trường Xuân làm nơi ngự tẩm; bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Lộc lợp ngói bằng bạc; lại dựng điện Kiền Nguyên, để vua ra chơi xem đèn. Như thế thì lúc bắt đầu cũng rất hoa lệ, nay những nơi ấy đều là thôn xóm của dân, chỉ còn một cái cột bằng đá, lớn 2 quầng, cao 1 trượng, bốn bên có ngấn chữ lờ mờ không nhận rõ được, có lẽ là di tích của chùa Nhất Trụ. Lại cầu Dền ở dưới núi xã Trường Yên, trên núi có đền thờ vua Đinh và vua Lê, dưới đền là cầu, hai bên bờ sông là dân cư" (47).

Những ghi chép, mô tả trên đây khiến chúng ta nghĩ suy về tiềm năng kinh tế to lớn của các triều Đinh, Tiền Lê và quốc gia Đại Cồ Việt. Như vậy, ngay từ những năm đầu thời tự chủ, các triều đại quân chủ đã huy động nhiều nguồn lực xã hội, khai thác các nguồn tài nguyên trong nước, khu vực để củng cố quyền uy chính trị, dựng xây thể chế, lực lượng quân đội hùng mạnh; thiết lập các đơn vị hành chính; phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng bang giao,...

Về quan hệ đối ngoại, năm 976 dưới thời Đinh Tiên Hoàng (924-979), *Toàn thư* từng ghi nhận: "Mùa xuân, thuyền buôn các nước hải ngoại đến dâng sản vật của nước họ" (48). Có thể coi đây là "sự kiện" đầu tiên được ghi lại trong chính sử về mối bang giao giữa Đại Cồ Việt với khu vực. Nhiều khả năng, đó là những thuyền buôn của các quốc gia Đông Nam Á đến Kinh đô Hoa Lư để "dâng sản vật", buôn bán, trao đổi hàng hóa. *Toàn thư* cũng cho biết, sau khi Đinh Tiên Hoàng bị sát hại, vận nước lâm nguy, Phò mã Ngô Nhật Khánh đã ngầm dẫn hơn 1.000 chiến thuyền của Chiêm Thành theo hai cửa biển Đại Ác và Tiểu Khang mưu toan tấn công kinh đô của nhà Đinh. Nhưng, "qua một đêm, gặp gió bão nổi lên, thuyền đều lật đắm, Nhật Khánh cùng bọn người Chiêm đều chết đuối, chỉ có thuyền của vua Chiêm thoát trở về nước" (49). Kết quả khảo sát địa chất, địa mạo cho thấy, cho đến thế kỷ X, Hoa Lư vẫn là một vùng gần biển và việc đi lại từ kinh đô ra biển là rất thuận lợi (50). Năm 994, Chiêm Thành lại sai sứ sang "dâng sản vật địa phương". Lúc bấy giờ, tình trạng cướp bóc trên biển, nhất là "vùng biển Giao Châu" diễn ra khá thường xuyên. Sứ giả nhà Tống cũng thường mượn cớ sang phong tước hiệu, bảo đảm an ninh, thậm chí đòi "cống nước mắm",... để gây sức ép chính trị, yêu sách tô thuế, sản vật.

Trong tâm thế tự cường, tự tôn dân tộc, năm 1009, vua thứ ba của triều Tiền Lê (980-1009) là Lê Long Đĩnh (986-1009) đã chủ động đề nghị với triều đình Tống cho đặt người coi việc tại chợ, trao đổi hàng hóa ở Ung Châu (Nam Ninh). Nhưng, đề nghị đó không được chính quyền phương Bắc chấp thuận (51). Lo ngại về tình hình an ninh, chính trị ở phương Nam, sợ người Việt xâm nhập sâu vào nội địa, người đứng đầu triều Tống chỉ cho thương thuyền từ Giao Châu sang buôn bán, trao đổi hàng hoá với Liêm Châu và trấn Như Hồng (tức Khâm Châu) (52).

Như vậy, trong tầm nhìn và suy tính của chính thể tự chủ, triều Tiền Lê muốn thiết lập cơ sở buôn bán thường xuyên với một cường quốc, trung tâm kinh tế lớn nhất của Đông Á. Lê Long Đĩnh muốn cử người quản lý chuyên trách, mở một số cửa ngõ kinh tế đối ngoại. Thực tế, mối quan hệ chính thức và một số trung tâm kinh tế vùng biên và duyên hải Đông Bắc giáp với Trung Quốc đã được khai mở. Chính quyền Hoa Lư không chỉ coi trọng các nguồn lợi biển, thiết lập quan hệ, giao thương với nhà Tống mà còn rất chú ý đến việc bố phòng, bảo vệ an ninh ở khu vực này (53).

Kế thừa kinh nghiệm đối ngoại của các triều đại trước, sau khi định đô ở Thăng Long, năm 1012 vua Lý Công Uẩn (974-1028) đã sai Thái bảo Đào Thạc Phụ và Viên ngoại lang Ngô Nhưỡng sang triều đình nhà Tống để tiếp tục đề nghị thiết lập, củng cố mối bang giao, giao lưu kinh tế. Nhân đó, sứ thần Đại Việt đã chủ động đề nghị cho thuyền buôn tới Ung Châu buôn bán nhưng vua Tống Chân Tông (cq: 998-1023) vẫn chỉ đồng ý cho các nhóm thương nhân người Việt sang buôn bán ở Quảng Châu và trấn Như Hồng. Sách *Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý Đào cũng xác nhận thông tin đó (54). Thái độ của Tống Chân Tông cho thấy, mối quan hệ, giao thương giữa cư dân, thương nhân hai nước đã có từ lâu đời. Từ Hoa Lư (và tiếp đó là Thăng Long), chính quyền Đinh, Tiền Lê đã chủ động thực thi một chính sách đa biến: Mềm dẻo, cương quyết về chính trị nhưng cũng tích cực, chủ động trong các hoạt động kinh tế. Sự gần gũi về vị trí địa lý, nhu cầu tiêu thụ, trao đổi sản vật, đặc sản địa phương cùng chủ trương phát triển văn hoá, trao đổi học thuật... của mỗi quốc gia là nhân tố có ý nghĩa thiết yếu thúc đẩy mối giao lưu kinh tế giữa các nước châu Á (55).

Tiếp cận vấn đề theo mối quan hệ Nam - Bắc cũng thấy, từ năm 970, Đinh Tiên Hoàng đã chủ động sai sứ sang phương Bắc. Đến thời Tiền Lê, ngay sau khi kháng Tống (980-981), bình Chiêm thắng lợi, mùa Xuân năm 983, Lê Hoàn đã sai sứ sang thông hiếu. Mục tiêu của triều đình Hoa Lư là muốn mau chóng "bình thường hoá" quan hệ với nhà Tống. Trong 24 năm ở ngôi (980-9005), Lê Hoàn đã 9 lần sai sứ sang triều đình Tống. Cụ thể: Lần thứ nhất: 983; 2: 985 (chỉ xin lĩnh chức *Tiết trấn*), 3: 986; 4: 991; 5: 994; 6: 995; 7. 996; 8. 997 và lần 9: 1004. Như vậy, trung bình cứ 2,6 năm (khoảng 31 tháng) triều Tiền Lê lại cử sứ sang Trung Quốc một lần. Ngược lại, cũng theo *Toàn thư* thì nhà Tống đã 10 lần cử sứ giả sang nước ta: Lần 1: 986; 2: 987; 3. 988; 4: 990; 5: 993; 6: 995; 7 & 8: 996; 9: 997 và lần thứ 10: 1003 (có thể chỉ đến biên giới để phủ dụ những người trốn sang Khâm Châu) (56).

Như vậy, khởi đầu từ thời Đinh, đến triều Tiền Lê một chủ trương thúc đẩy bang giao, quan hệ kinh tế đã được thực hiện. Theo đó, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, nền độc lập dân tộc đã được thực hiện đồng thời với yêu cầu phát triển kinh tế, chấn hưng đất nước. Trong *Bang giao chí*, trải nghiệm qua những thăng trầm lịch sử, nhà bác học Phan Huy Chú từng viết: "Nước Việt ta cõi đất phía Bắc thông hiếu với Trung Hoa, tuy nuôi dân dựng nước có quy mô riêng, nhưng ở trong thì xưng đế, đối ngoài thì xưng vương, vẫn chịu phong hiệu, xét lý thế thực phải như thế. Cho nên lễ sách phong, lễ cống sính, việc bang giao các đời đều xem là quan trọng" (57).

Theo *An Nam chí lược*, năm 983 Lê Hoàn đã cử sứ giả sang tặng vua Tống các vật vàng bạc, tê ngưu và voi. Năm 985, lại sai sứ sang tặng rùa vàng, hạc, lư hương, ngà voi và một vạn cây lụa trắng để mừng tiết Càn Minh. Vua Tống cho sứ giả một bộ

áo, đai bạc, yên cương và năm con ngựa. Năm 988, Lê Hoàn lại sai sứ sang Tống. Năm 990, tặng vua Tống ghế khảm thất bảo và các vật voi, tê, ngưu. Năm 997, tặng "một cái ghế tựa Giao Châu được trang hoàng vàng bạc, thất bảo một chiếc, chậu bằng bạc 10 cái; sừng tê, ngà voi 50 cây, vải lụa tơ tằm một vạn sấp" (58). Năm 998, vua Lê gửi tặng một con voi thuần. Năm 1001, vua Lê gửi tặng "tê ngưu thuần một con, voi hai con, tượng san (một loại như chó sói những lớn hơn), bình vàng trang sức thất bảo một cái" (59). Năm 1005, vua Tống gửi tặng Lê Hoàn một bộ kinh Đại Tạng. Năm 1007, Lê Long Đĩnh được vua Tống tặng sách Cửu Kinh và một tạng kinh Phật. Năm 1008, hai lái buôn Chân Lạp đến Giao Châu, bị trục xuất, xin nhập tịch Tống (60).

Năm 982, khi thân chinh đi đánh Chiêm Thành, cùng với việc bắt đưa về nhiều quân sĩ, cung nữ và cả nhà sư Thiên Trúc (Ấn Độ), Lê Hoàn còn cho "lấy các đồ quý đem về, thu được vàng, bạc của báu kể hàng vạn" (61). Vậy nên, khi sứ thần nhà Tống sang, nhà vua đã cho "hàng này đem những thứ quý lạ, bày chật cả sân, để tỏ sự giàu có" (62). Đến thế kỷ XI-XIV và tiếp đó là thời kỳ cầm quyền của nhà Mạc (1527-1592), đời sống kinh tế, nhất là kinh tế công thương đã có nhiều khởi sắc (63). Những cá tính sáng tạo, nhiều giá trị văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần được hồi sinh và khuynh hướng phi độc tôn tư tưởng, tôn giáo đã diễn ra (64). Xã hội thời Mạc là xã hội năng động, cởi mở. Kinh tế, xã hội vùng Trường Yên cũng có nhiều phát triển.

Với các hoạt động kinh tế trong nước, kế thừa chính sách của các triều đại trước, đến thời Lê Trung hưng, chính quyền Lê - Trịnh đã ban hành một số chính sách nhằm tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa. Năm 1660, triều đình ra lệnh cấm không được lấy tiền thuế chợ, thuế đò quá lệ. Thời Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), ra lệnh bãi bỏ các tuần ty, triệt bỏ không thu thuế nữa. Mệnh lệnh được thực hiện ở 13 nơi trong đó có tuần Việt Châu, huyện Gia Hưng (tức huyện Gia Khánh, Ninh Bình). Thời Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1723), chính quyền đã định lại thuế đò, bỏ đi 22 chỗ, đặt ra 4 địa điểm mới: Non Nước (Ninh Bình), Trú Hựu (Kinh Bắc), Xước Cảng (Nghệ An), Cẩm Cơ (Sơn Nam). Với bến Non Nước, thuế đồng niên là 671 quan 33 đồng tiền, Xước Cảng: 24 quan 34 đồng tiền, Cẩm Cơ: 653 qua 3 tiền 11 đồng tiền, Trú Hựu: 100 quan 6 tiền 40 đồng tiền (65). Như vậy, trong 4 địa điểm mở mới, mức thuế ở trạm Non Nước là cao nhất. Điều chắc chắn là, lượng hàng hóa lưu thông qua đây là khá lớn.

Về hoạt động kinh tế của Ninh Bình, các sử gia triều Nguyễn ghi nhận: Chợ Vân Sàng ở huyện Yên Khánh: "chợ ở sát bờ sông, nhà cửa nối liền nhau, thuyền buôn tụ tập đông đúc". Chợ Dương Vũ ở phía nam huyện Yên Khánh liền đường quan, chợ Sinh ở xã Phú Hậu, tổng Bồng Hải, phía đông huyện Yên Khánh; chợ Trạo ở xã Thiện Trạo, bán nhiều chiếu; chợ Yên Ninh, chợ Yên Nha đều thuộc huyện Yên Khánh; Chợ Huyện ở xã Đa Giá huyện Gia Viễn; chợ Bồ Đề ở cạnh đường cái quan; Chợ Cam Giá, La Mai, Sơn Quyết đều thuộc huyện Gia Viễn; chợ Liên Trì ở huyện Yên Mô, tục gọi là chợ Phủ; Chợ Quảng Phúc ở Yên Mô; Chợ Bút ở Khôi Trì, chợ Thổ Mật, chợ Phúc Lạc; chợ Kênh ở xã Bồ Xuyên; chợ Đằng ở thôn Hạ xã Trường Khê; chợ Phủ, chợ Kênh Đào, chợ Thần Phù, chợ Nộn Khê thuộc huyện Yên Mô, chợ Quy Hậu ở Kim Sơn; Chợ Hồi Thuần, Đồng Đắc, Trì Chính, Tuy Lộc đều thuộc huyện Kim Sơn; Chợ Lãng Phong ở huyện Phụng Hóa, gần phủ Nho Quan; Chợ Cối ở huyện Phụng Hóa; Chợ Kiến Phong, chợ

Mỹ đều ở huyện Yên Hóa; Quán Yên Đăng ở phía Nam huyện Yên Khánh, Quán Đông Trung (quán Quan) ở phía Nam huyện Yên Mô; Quán Cổ Du và Quán Lý Nhân đều ở phía Tây huyện Yên Mô,...

Trong *Đại Nam thực lục*, các tác giả cho biết nhiều thông tin về hoạt động kinh tế của Ninh Bình. Năm 1834, thời Minh Mạng, do tác động của nạn lụt xảy ra năm trước, gặp lúc giáp hạt, nhiều người dân (hơn 1.000 người) từ Hà Nội, Nam Định,... đã tràn vào Ninh Bình, Thanh Hóa kiếm sống. Nhà vua đã lệnh đem tiền, gạo phát cho dân, khiến họ trở về quê cũ làm ăn (66). Trong nhiều thời điểm lịch sử, nguồn lực kinh tế của Ninh Bình và xứ Thanh là "điểm tựa" cho cư dân châu thổ.

Như vậy, qua nhiều thời kỳ lịch sử, Ninh Bình vẫn có cả một hệ thống chợ. Đó là minh chứng giàu sức thuyết phục về sự phát triển kinh tế và vai trò trung tâm, luân chuyển hàng hóa cùng hoạt động của các ngành công - thương. Thời Nguyễn, cùng với 14 chợ (lớn), Ninh Bình còn có 4 quán, 8 bến, 9 cầu và 7 cửa quan, tấn sở, Đến nay, một số chợ, quán vẫn còn hoạt động (67). Sự hiện diện của các trung tâm, cơ sở buôn bán cho thấy truyền thống, sức phát triển của nhiều ngành kinh tế và các mối quan hệ liên - xuyên vùng.

4. Nhận xét và kết luận

- Ninh Bình từng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng của đất nước. Nhìn lại không gian lịch sử văn hóa Hoa Lư - Trường Yên qua các thời kỳ lịch sử, đặt không gian đó trong các mối quan hệ khu vực ta thấy: Hoa Lư - Trường Yên không chỉ là một kinh đô bề thế mà còn là một căn cứ quân sự có tầm chiến lược; không chỉ là một đô thành có địa thế hiểm yếu mà còn là một trung tâm kinh tế, văn hóa quan trọng của đất nước. Địa thế của cố đô Hoa Lư, của hành cung Vũ Lâm, của phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, cửa biển Thần Phù và hai tuyến Thượng đạo, Thiên lý,... tất cả đều cho thấy thế hiểm yếu, vị trí chiến lược của một vùng đất.

- Ninh Bình là đất khởi phát của các triều Đinh, Tiền Lê; là cứ điểm trọng yếu của vương triều Trần và nhiều triều đại quân chủ; là đất sinh thành của các bậc anh kiệt. Vào thế kỷ X, "Một tập hợp mới" những con người trung nghĩa, giàu lòng yêu nước đã tụ hội về Hoa Lư theo ngọn cờ nghĩa. Hoa Lư đã đảm đương, thể hiện vai trò, tầm thế của một kinh đô tự chủ. Kinh đô ấy đã thiết lập rường mối, vươn tầm quản lý, tổ chức các hoạt động kinh tế, chỉ đạo thành công các cuộc chiến tranh vệ quốc. Từ những quyết sách của các triều Đinh, Tiền Lê, chủ quyền của đất nước ở phía bắc được củng cố, cương giới ở miền tây nam được bảo vệ (68). Ninh Bình là vùng đất đánh dấu nhiều bước đi tiên phong, đột phá, gắn với những chuyển biến quan trọng của lịch sử đất nước.

- Trong lịch sử, Hoa Lư - Trường Yên - Ninh Bình luôn là vùng đất căn bản, có nhiều nguồn tài nguyên, nhiều hoạt động kinh tế và làng nghề nổi tiếng. Ninh Bình nên có chiến lược phát triển một số sản phẩm đặc hữu. Quy luật là, đế đô bao giờ cũng là không gian kết tụ của nhiều thế hệ những con người tài hoa, của đất thiêng - người giỏi. Cùng với đó, hoạt động kinh tế truyền thống cũng cho thấy, tỉnh luôn có thế mạnh của một vùng chuyển nối giữa các không gian lãnh thổ - kinh tế. Trong lịch sử, người Hoa Lư - Trường Yên đã nương theo hình sông, thế núi để định đoạt quy mô, xây dựng đất nước, đồng thời khai thác hiệu quả vị trí chuyển giao kinh tế, văn hóa giữa các vùng miền. Sự phát triển của Ninh Bình hiện nay nên liên kết chặt với trấn Sơn

Nam xưa, với xứ Thanh - Bắc Trung Bộ và cả vùng Tây Bắc. Trong thế ứng đối liên hoàn (Đông - Tây, Nam - Bắc), Ninh Bình có nhiều điều kiện để kiến dựng được chuỗi phát triển sáng tạo, tìm thấy nhiều nguồn lực, động lực cho một mô hình phát triển xanh, bền vững. Tư duy phát triển sẽ sâu bền và đồng thời được mở ra nhiều hướng.

Nhìn lại lịch sử chúng ta thấy, sau sự kiện năm 1010, Hoa Lư không còn là kinh đô của quốc gia Đại Việt, nhưng các triều đại quân chủ từ Lý, Trần đến Hồ, Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng và cả vương triều Nguyễn đều dành sự quan tâm đặc biệt đến vùng đất này. Hoa Lư - Trường Yên luôn là vùng địa linh, là đất hợp tụ của nhiều dòng người có chung khát vọng cống hiến, phát triển. Điều đó lý giải vì sao, trước những chuyển xoay vô thường của nhân thế, chính các vị vua Trần và Phật hoàng Trần Nhân Tông đã tìm về vùng núi thiêng Trường Yên để dựng hành cung Vũ Lâm; để hòa nhập với cõi Thiền - cõi thiêng và cũng là để tính kế "sâu rễ, bền gốc" cho sự nghệp chấn hưng đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Khắc Sử: *Khảo cổ học tiền sử Tràng An - Một thí dụ nổi bật về sự tương thích con người, văn hóa và môi trường*, trong Bảo tàng Lịch sử Quốc gia: Thông báo Khoa học, số 1, 2013, tr.5-15.

(2). Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.37-57. Kết quả nghiên cứu Khảo cổ học cho thấy, ở vùng Hoa Lư đã tìm được dấu tích của thời kỳ Bắc thuộc. Nhiều khả năng, từ đầu Công nguyên, nơi đây từng là trị sở của huyện Vô Công (Vô Thiết) thời Hán. Ở cánh đồng Nội Trong, cũng phát hiện được những dấu tích kiến trúc có thể thuộc về trị sở trung tâm của Trường Châu thời Tùy - Đường thế kỷ VII-IX. Xem Nguyễn Ngọc Quý - Nguyễn Thơ Đình - Phạm Thanh Sơn - Vũ Thanh Lịch - Nguyễn Xuân Trường - Nguyễn Cao Tấn - Nguyễn Anh Thư và Nguyễn Thị Thanh Vân: *Kết quả khai quật nghiên cứu di tích cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), năm 2021*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1(235), 2022, tr.15.

(3). Hà Văn Tấn (Cb.): *Khảo cổ học Việt Nam*, Tập 3, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002, tr.42-55. Tống Trung Tín: *Di sản cố đô Hoa Lư - Các giá trị lịch sử và văn hóa qua các phát hiện Khảo cổ học*, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Vai trò của nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam", Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2018, tr.746-761.

(4). Nguyễn Trãi: *Dư địa chí*, trong Nguyễn Trãi toàn tập (Phan Huy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích), Tập 2, Nxb. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001, tr.470.

(5). Lê Văn Lan: *Hoa Lư*, trong Viện Sử học: *Đô thị cổ Việt Nam*, Hà Nội, 1989, tr.92.

(6). Trong *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi cho rằng nhà Lê đã "chia thiên hạ làm 10 đạo. Hộ bộ đệ tiến số dân là năm trăm vạn sáu nghìn năm trăm đinh (5.006.500 đinh). Nhà Lý chia đất nước làm 24 lộ, nhà Trần chia thành 12 xứ, triều Lê sơ chia thành 15 đạo. Theo *Toàn thư*, năm 971, Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo. Năm 974 quy định về quân 10 đạo, mỗi đạo 10 *quân*, 1 quân 10 *lữ*, 1 lữ gồm 10 *tốt*, 1 tốt 10 *ngũ,* 1 ngũ 10 *người*, đầu đội mũ bình đính. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.212. Nhà Sử học A.B.Pôliacốp cho rằng: "Mười đạo tức là một triệu người. Tất nhiên vào thời điểm bấy giờ, con số trên là phi hiện thực (ngay đến thế kỷ XI dưới triều Lý, khi nhà nước trung ương tập quyền đã được thiết lập, quân đội cũng chỉ có trên 100.000 người". A.B.Pôliacốp: *Sự phục hưng của nước Đại Việt*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr.36.

(7). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.210.

(8). Hà Văn Tấn: *Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư*, trong: Theo dấu các văn hóa cổ, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2020, tr.605-626.

(9). Lê Mạnh Thát: *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Phương Đông, Tp. HCM, 2005. Hà Văn Tấn: *Phật giáo từ thời Ngô đến thời Trần (thế kỷ X-XIV)*, trong Nguyễn Tài Thư (Cb.): Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr.122 -143.

(10). Xuất gia, về tu hành ở Vũ Lâm (1293-1294), Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng tác bài thơ Thu vãn: "*Họa kiều đảo ảnh trâm khê hoành/ Nhất mạt tà dương thủy ngoại minh/ Tịch tịch thiên sơn hồng diệp lạc/ Thấp vân như mộng viễn chung thanh*". Dịch thơ của Băng Thanh: "*Lòng khe in ngược bóng cầu hoa/ Hắt sáng bờ khe, vệt nắng tà/ Lặng lẽ nghìn non rơi lá đỏ/ Mây giăng như mộng tiếng chuông xa*". Viện Văn học: Thơ văn Lý - Trần, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989, tr.467.

(11). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.56.

(12). Phan Huy Lê - Bùi Đăng Dũng - Phan Đại Doãn - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.317-412.

(13), (23), (21). Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo*, Viện Sử học, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr.243, 229, 243.

(14), (42). Phan Huy Chú, *Dư địa chí - Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.65, 47.

(15), (16), (25), (47), (67). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tr.241, 248, 247, 264, 266-270.

(17), (19), (28), (32), (39), (45). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Hà Nội, 1997, tr.244, 237, 247-252, 284, 284, 277-283.

(18), (31). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Phan Đăng dịch, chú giải), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2021, tr.547, 532.

(20). Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng (Cb.): *Việt Nam truyền thống kinh tế - văn hóa biển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.21-44, 167-218.

(22). Nguyễn Văn Kim: *Không gian lịch sử - văn hóa xứ Thanh và Vạn Lại - Yên Trường trong các mối quan hệ khu vực*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử,* số 12(560), 2022, tr.3-17.

(24). Lê Bá Thảo: *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2006, tr.135-136. Vũ Thanh Lịch: *Vùng ngã ba sông Bôi trong không gian văn hóa Ninh Bình 10 thế kỷ đầu Công nguyên*, Tạp chí *Khảo cổ học,* số 1 (235), 2022, tr.20.

(26). Trương Hán Siêu từng có bài thơ về Dục Thúy Sơn: "*Sơn sắc thượng y y/ Du nhân hồ bất quy/ Trung lưu quang tháp ảnh/ Thượng giới khải nham phi/ Phù thế như kim biệt/ Nhàn danh ngộ tạc phi/ Ngũ hồ thiên địa khoát/ Hảo phỏng cựu ngư ky*". Băng Thanh dịch: "*Sắc núi còn xanh ngắt/ Lâu rồi, người vẫn đi!/ Lòng sông in bóng tháp/ Tầng thẳm cửa thôi che./ Từ cách xa đời tục/ Mới hay điều thị phi/ Năm hồ trời đất rộng/ Bến cũ khi nào về*". Viện Văn học: Thơ văn Lý - Trần, Tập 2, Sđd, tr.467.

(27). Phan Huy Lê, *Tìm dấu tích phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn*, trong: Tìm về cội nguồn, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr.43.

(29). Ngày 25-6-2014 tại Doha (Quatar) ủy ban Di sản Thế giới thuộc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) đã chính thức ghi danh Quần thể danh thắng Tràng An, tỉnh Ninh Bình vào danh mục: *Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới*. Đây là *Di sản hỗn hợp* đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á.

(30). Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, sđd, tr.470-471.

(33). Nguyễn Ngọc Quý - Nguyễn Thơ Đình và nnk: *Kết quả khai quật nghiên cứu di tích cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), năm 2021*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1(235), 2022, tr.14.

(34). Về vùng Kinh Bắc, Nguyễn Trãi từng viết: "Làng Bát Tràng làm đồ bát chén, làng Huê Cầu nhuộm thâm,... Bát Tràng thuộc huyện Gia Lâm. Huê Cầu thuộc huyện Văn Giang. Hai làng ấy cung ứng đồ cống Trung Quốc là 70 bộ bát đĩa, 200

tấm vải thâm". Nguyễn Trãi: *Dư địa chí*, sđd, tr.464.

(35). Nguyễn Khắc Sử - Nguyễn Cao Tờn, *Quần thể danh thắng Tràng An - Di sản văn hóa và Thiên nhiên thế giới*, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia: Thông báo Khoa học, 2015, tr.22.

(36). *Đất và người Hoa Lư - Hành cung Vũ Lâm trong quần thể di tích Tràng An*, ngày 27-9-2015.

(37). Đặng Thị Khương - Cao Thị Huyền, *Đồ đun nấu thời Đinh - Tiền Lê Khu di tích Hoàng thành Thăng Long*, trong Viện Nghiên cứu Kinh thành: *Kinh thành cổ Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021, tr.175.

(38). Nguyễn Ngọc Quý - Nguyễn Thơ Đình và nnk: *Kết quả khai quật nghiên cứu di tích cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), năm 2021*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 1(235), 2022, tr.18. Xem thêm Lê Văn Thao (Cb.): *Đồ án trang trí mỹ thuật ở hai đền vua Đinh - vua Lê (Hoa Lư - Ninh Bình)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016.

(40), (41). Lê Quý Đôn, *Vân Đài loại ngữ*, Tập 2, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1962, tr.209, 213.

(43). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Hà Nội, 1997, tr.245. Trường Hán Siêu từng có "*Bài ký tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy*". Đọc nội dung, có thể hiểu Trương Hán Siêu đã viết bài ký nhân ngôi tháp cũ xây từ năm Tân Mùi, niên hiệu Quảng Hựu thứ bảy thời Lý được tôn tạo. Tác giả đã ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, sự anh linh của đền tháp, đồng thời cũng giãi bày những nghĩ suy, triết luận sâu xa về Phật giáo.Viện Văn học: *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, sđd, tr.753-754.

(44). Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Thân thế, sự nghiệp Thiền sư Nguyễn Minh Không*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2019, tr.17-32, 361-374.

(46). Theo *Việt sử lược*: Năm Giáp Thân, hiệu Thiên Phúc thứ 4 (984), tức chỉ 4 năm sau khi lên ngôi (980) và 3 năm sau kháng chiến chống Tống (981) thành công, Lê Hoàn đã cho "Xây điện Bạch Bảo Thiên Tuế ở núi Hỏa Vân, cột bọc vàng bạc. Phía đông xây diện Lưu Phong, phía tây điện Vinh Hoa, bên trái xây điện Bồng Lai, bên phải xây điện Cực Lạc, rồi dựng lầu Hỏa Vân (Đại Vân), lại xây điện Trường Xuân, bên cạnh xây điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc". *Việt sử lược* (Trần Quốc Vượng dịch và chú giải), Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ phương Tây, Hà Nội, 2005, tr.61-62. Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.222-223.

(48), (49), (61), (62). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, sđd, tr.213, 216, 222, 223.

(50). Lê Bá Thảo: *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2002, tr.312-317. Kết quả khảo sát liên ngành của đoàn khoa học Việt - Nhật do GS. Sakurai Yumio dẫn đầu trong mùa hè năm 1993 cũng cho thấy rõ dấu tích của một vụng biển cổ gần với Hoa Lư, Ninh Bình.

(51). Năm 1009 vua Tống từng cho rằng: "Dân chúng ven biển, nhiều lần tai vạ vì Giao Châu xâm nhiễu. Trước đây chỉ cho phép Liêm Châu cùng trại Như Hồng qua lại buôn bán, ấy là để khống chế cho nơi biên cương xa xôi vậy. Nay nếu cho vào thẳng nội địa, việc ấy càng bất tiện. Bèn chiếu cho bản đạo lấy cựu chế ra dụ cho biết". *An Nam truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Hoa* (Châu Hải Đường dịch & biên soạn), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr.33.

(52). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, sđd, tr.235. Viết về quan hệ giữa triều Tiền Lê với nhà Tống, các tác giả *Toàn thư* nhận xét: "Bấy giờ, nhà Tống ngại việc chinh chiến, vua (Lê Hoàn) cậy có núi biển hiểm trở, hơi buông thả cho dân biên giới lấn cướp vào cõi của nhà Tống". Mùa Xuân năm 995 "chiến thuyền Giao Chỉ hơn trăm chiếc, xâm phạm trấn Như Hồng, cướp bóc cư dân, lương thực trong kho rồi đi. Mùa Hạ năm ấy, châu Tô Mậu nước ta lại đem 5 nghìn hương binh xâm lược Ung Châu nước Tống... Vua Tống ý muốn vỗ yên, không muốn dụng binh". Năm 996, khi tiếp sứ giả Tống là Lý Nhược Chuyết, Lê Hoàn đã "thông báo" rằng: "Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở cõi

ngoài, Hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Mân Việt, há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi", *Toàn thư*, Tập 1, sđd, tr.228-229.

(53). *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: năm ứng Thiên thứ 7 (1000) vua Lê đã "Sai Thống tướng Từ Mục đi tuần ở miền Hải Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi Bắc để dò xét tình hình biên giới", *Toàn thư*, Tập 1, sđd, tr.230.

(54). Trương Hữu Quýnh (Cb.), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1999, tr.149; Nguyễn Hữu Tâm: *Bác dịch trường - Quan hệ buôn bán biên giới Lý - Tống thế kỷ XI-XIII*; trong: Việt Nam trong hệ thống thương mại châu á thế kỷ XVI-XVII, sđd, tr.139.

(55). Chu Khứ Phi từng viết: "Khâm, Liêm đều gọi là nơi cực biên, cách cõi nước An Nam không xa. Ngày trước, thuyền bè của An Nam đến nhiều ở Liêm, sau vì thuyền đắm mới lại đến Khâm". Xem Chu Khứ Phi: *Lĩnh Ngoại đại đáp*, Sđd, tr.17. Tác giả cũng cho biết thêm: "Nước Tam Phật Tề là nơi mà các nước đi lại đường biển phải qua. Từ Tam Phật Tề mà đến Trung Quốc thì đi thuyền theo hướng chính bắc, qua các đảo Thương, Hạ Trúc và biển Giao Chỉ mới đến Trung Quốc", *Lĩnh Ngoại đại đáp*, sđd, tr.37. Các nước Đồ Bà (Java?), Đại Thực (ấn Độ) khi đến Trung Quốc đều phải đi qua vùng biển của Đại Cồ Việt - Đại Việt.

(56). Nguyễn Văn Kim, *Nhà nước Đại Cồ Việt và mối quan hệ với các quốc gia Đông Á*, trong: Việt Nam trong các mối quan hệ khu vực và quốc tế, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021, tr.162.

(57). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr.533.

(58), (59). *An Nam truyện - Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Hoa*, sđd, tr.30.

(60). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002, tr.229-231.

(63). Nguyễn Văn Kim, *Kinh tế công thương thời Mạc*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 12 (416), 2010, tr.3-18.

(64). Trần Quốc Vượng, *Mấy vấn đề về nhà Mạc*, trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc, Hội Sử học Hải Phòng, 2000, tr.161.

(65). Phan Huy Chú: *Quốc dụng - Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.148-151.

(66). Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Nxb. Giáo dục, 2004, tr.46.

(68). Sau sự kiện Ngô Nhật Khánh thất bại trong việc dẫn quân Chiêm vào tấn công Hoa Lư, năm 989 Lê Hoàn còn phải kiên quyết ngăn chặn âm mưu của Quản giáp Dương Tiến Lộc. Nhân việc nhà vua sai đi thu thuế ở Ái châu và Hoan châu, Tiến Lộc đã dụ cư dân hai châu ấy theo về với Chiêm Thành. Như vậy, cho đến thế kỷ X, Ái châu, Hoan châu vẫn là một địa bàn nhạy cảm trong suy tính chính trị của một số thế lực. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, sđd, tr.226.

(69). Keith W.Taylor: *Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỷ thứ XI*, trong Nhiều tác giả: Những vấn đề Lịch sử Việt Nam, Xưa & Nay, Hà Nội, 2001, tr.63.